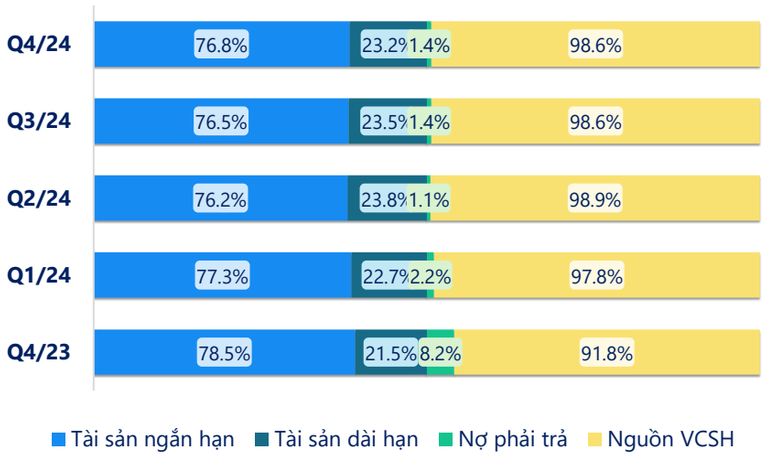
FireAnt

CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	18,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,596
SL cổ phiếu LH	8,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	270
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	156
P/E	72.2
EPS	251

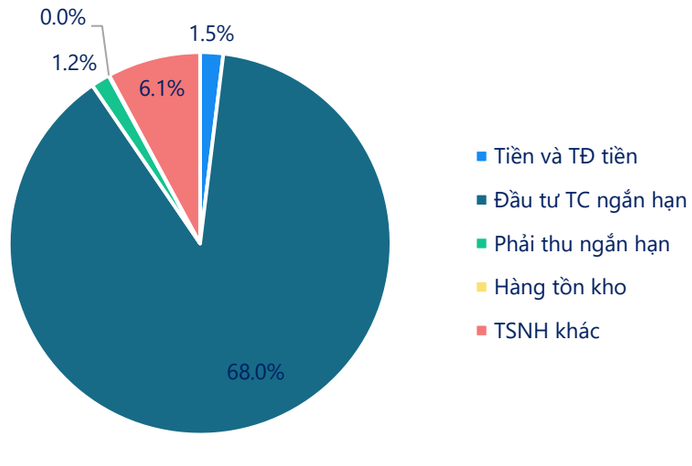
	YTD	1T	3T	6T
TJC	-9.5%	5.8%	10.4%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



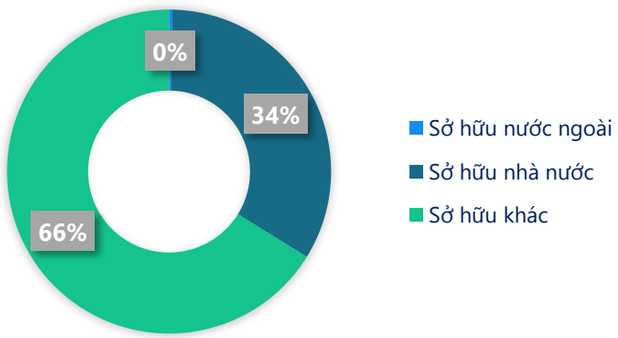
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



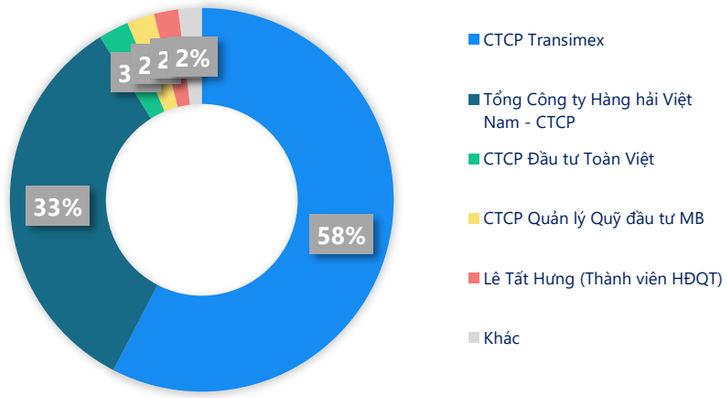
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



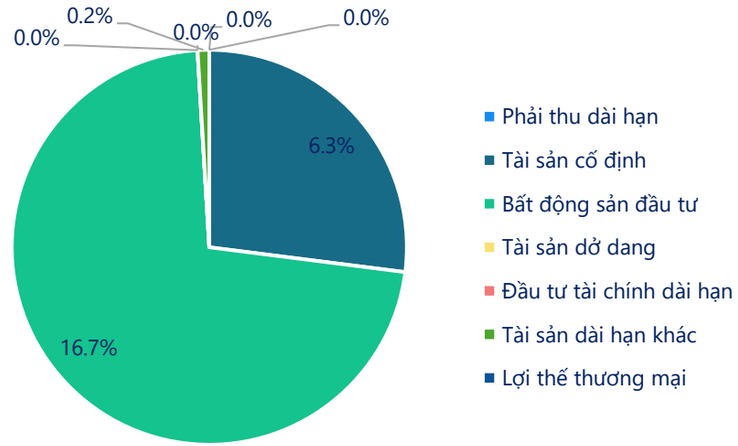
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

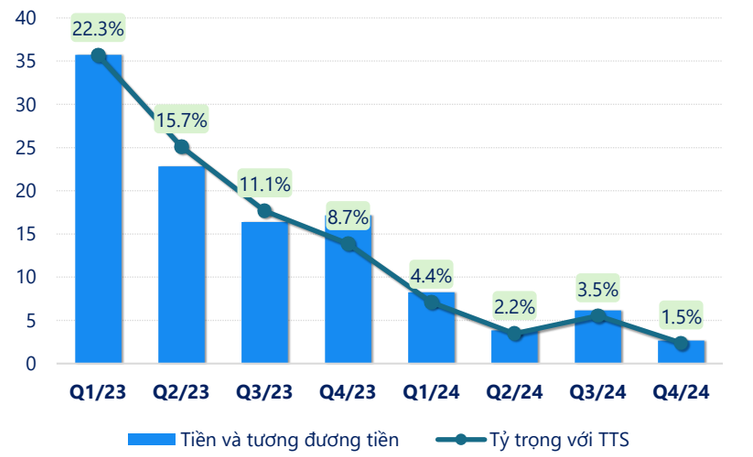


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

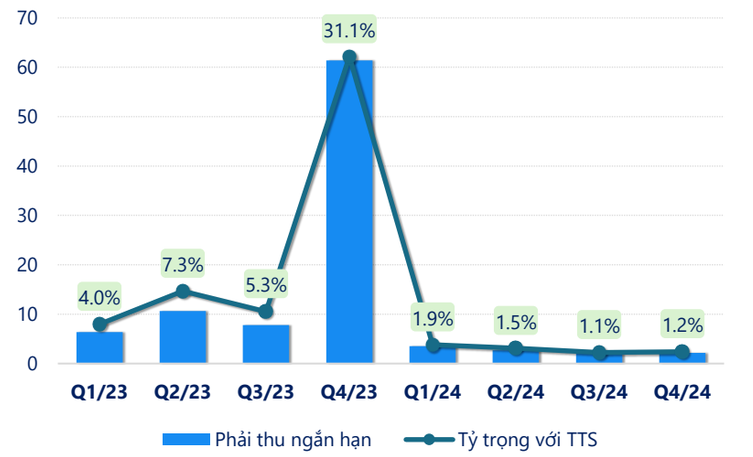
CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

Tiền và tương đương tiền



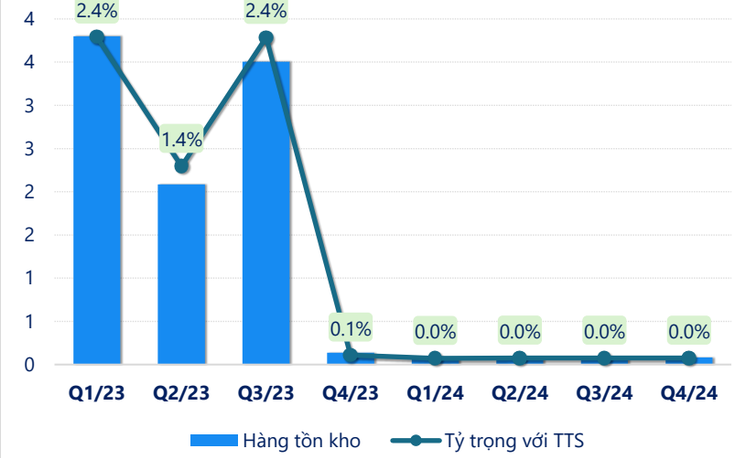
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



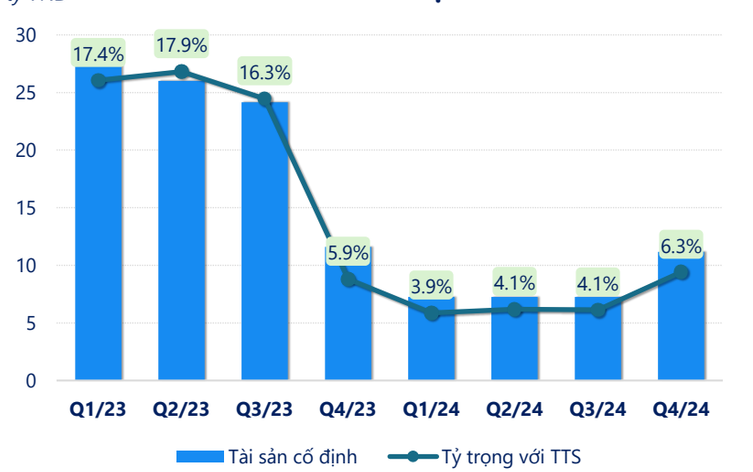
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



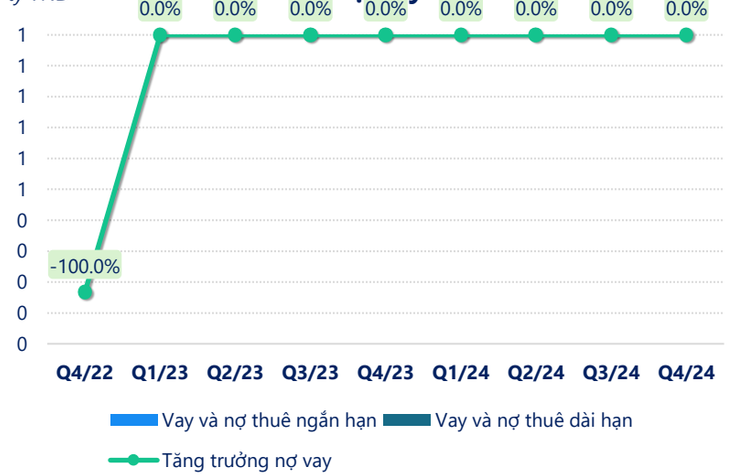
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



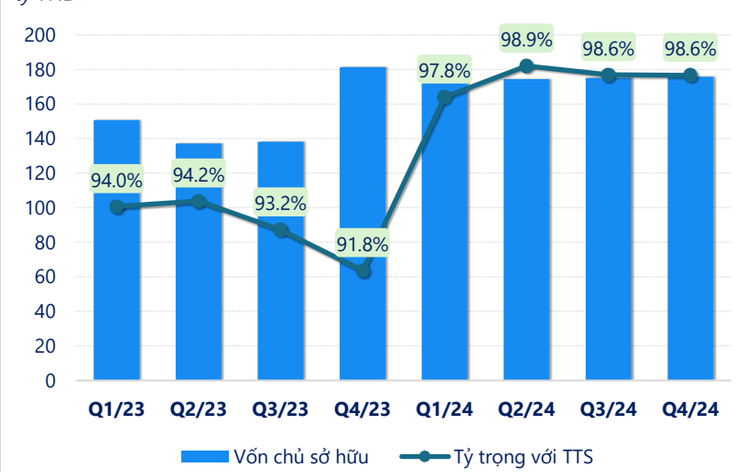
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

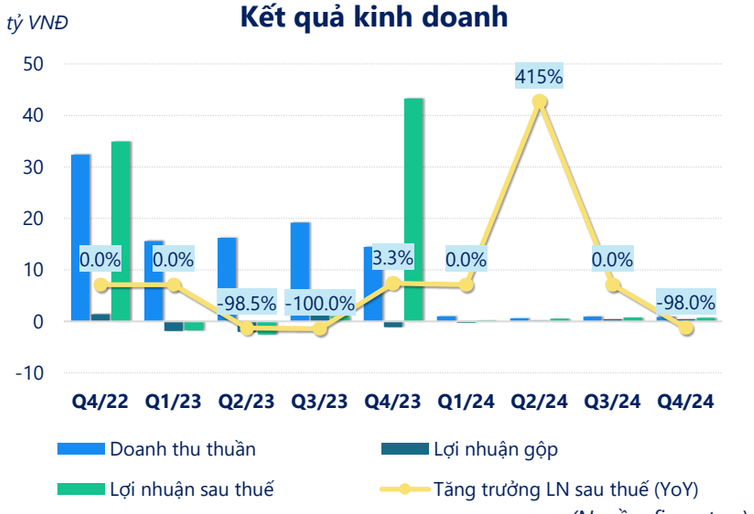
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

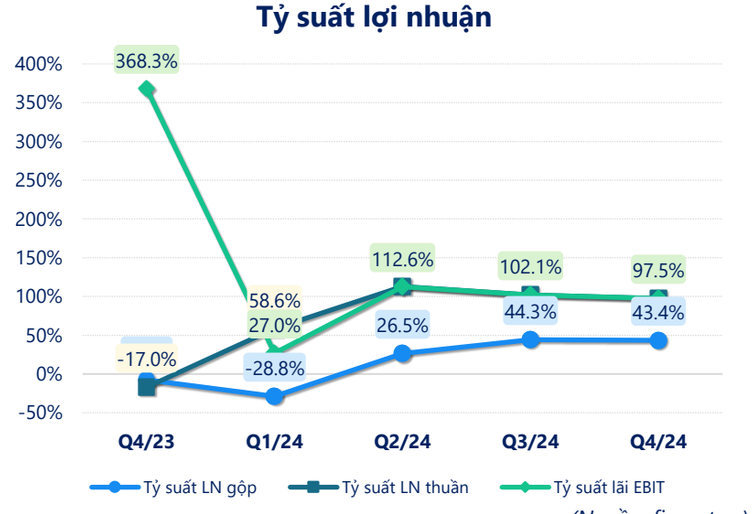
CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

Kết quả kinh doanh



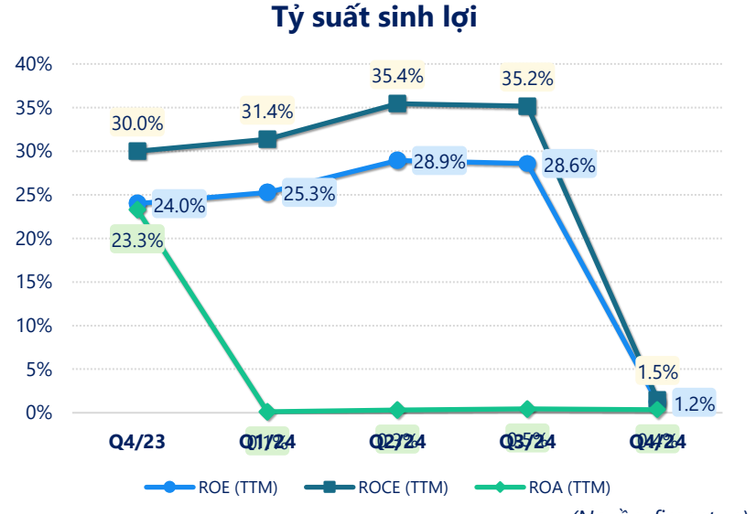
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



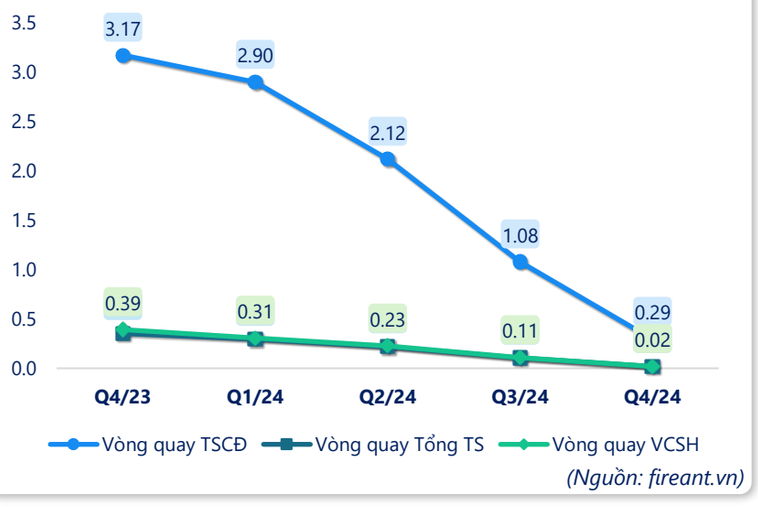
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



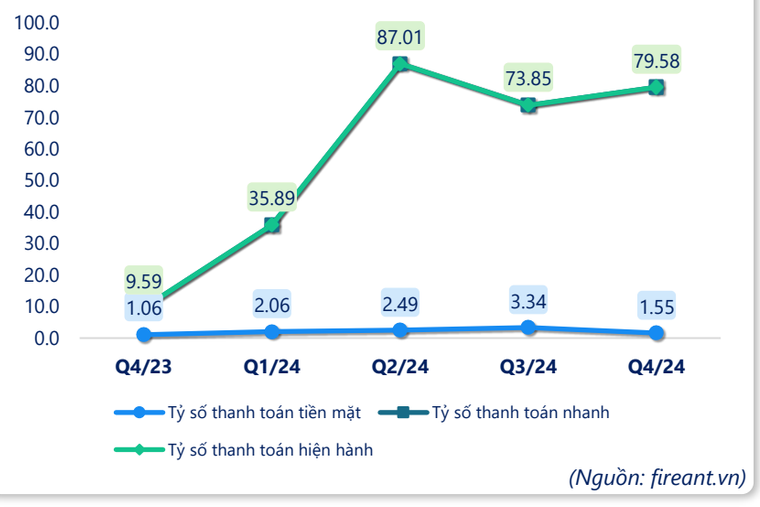
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



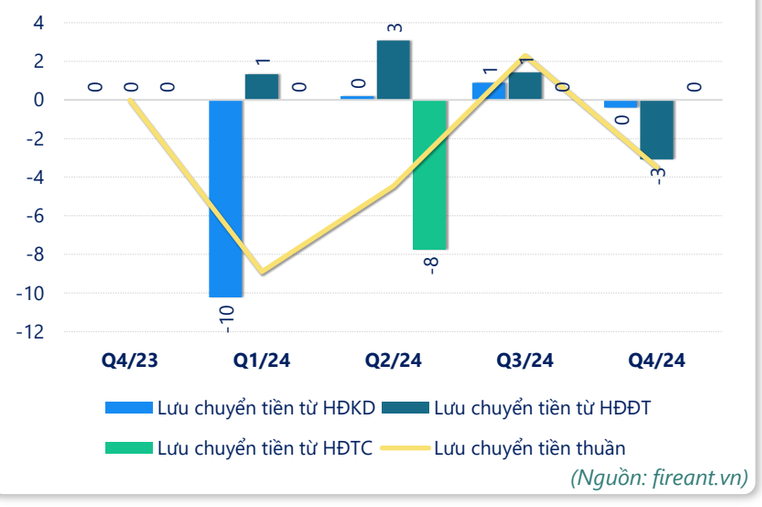
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**178**	**198**	**-9.7%**
Tài sản ngắn hạn	137	155	-11.7%
Tiền và tương đương tiền	2.66	17.1	-84.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	65.1	86.2%
Phải thu ngắn hạn	2.16	61.4	-96.5%
Hàng tồn kho	0.08	0.14	-39.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	11.3	-4.2%
Tài sản dài hạn	**41.4**	**42.5**	**-2.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.2	11.6	-3.6%
Bất động sản đầu tư	29.8	0	
Tài sản dở dang	0	30.1	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.39**	**0.78**	**-49.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.50	16.2	-84.5%
Nợ ngắn hạn	**1.72**	**16.2**	**-89.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.52	4.98	-89.6%
Nợ dài hạn	0.78	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**176**	**181**	**-3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**176**	**181**	**-3.1%**
Vốn điều lệ	86.0	86.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	14.5	0.97	0.58	0.91	0.89
Giá vốn hàng bán	15.6	1.25	0.42	0.51	0.50
Lợi nhuận gộp	-1.10	-0.28	0.15	0.40	0.38
Doanh thu HĐTC	1.43	2.30	1.73	1.48	1.64
Chi phí TC	0.00	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.32	0	0	0	0.10
Chi phí QLDN	2.47	1.45	1.23	0.96	1.06
LN thuần từ HĐKD	-2.47	0.57	0.65	0.93	0.86
Lợi nhuận khác	55.8	-0.31	0.00	0.00	0
LN trước thuế	53.3	0.26	0.65	0.93	0.86
Lợi nhuận sau thuế	43.3	0.21	0.53	0.74	0.68
LNST của CĐ cty mẹ	43.3	0.21	0.53	0.74	0.68

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-10.2	0.19	0.89	-0.40
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	1.32	3.08	1.41	-3.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-7.74	0	0
Tiền đầu kỳ	0	17.1	8.24	3.84	6.14
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**-8.90**	**-4.47**	**2.30**	**-3.48**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.06	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0	8.24	3.84	6.14	2.66

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic